TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ M
TỈNH TIỀN GIANG
Bản án số:101/2019/HNGĐ-ST
Ngày:16/8/2019.
V/v tranh chấp "Ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Trường**.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Thu Yến**;**
2. Bà Huỳnh Thanh Trúc**;**
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Phạm Vân Trang – Thư ký Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố M tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Phi Yến- Kiểm sát viên .

Ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân thành phố M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 332/2019/TLST-HNST ngày 21 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2019/QĐ-ST ngày 26/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Thanh T, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Số 10/3H đường Đ, phường 8, thành phố M, tỉnh Tiền Giang;

Bị đơn: Ông Cao Văn Sanh T , sinh năm 1985 (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: Số 21/17 đường N, phường 8, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện, bản khai và quá trình tố tụng, bà Đoàn Thị Thanh T trình bày: bà T và anh Cao Văn Sanh T sống chung năm 2007 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến đầu từ tháng 4/2017 thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cách sống và cách nghĩ khác nhau. Bà và ông T ly thân từ tháng 11/2018 đến nay đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay tình cảm không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông T là vợ chồng.

Về con chung: có 01 con **c**hung tên Cao Văn Sanh L, sinh ngày 27/3/2008. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Cao Văn Sanh T tại bản tự khai và biên bản hòa giải ông trình bày thống nhất với trình bày của bà T về thời gian chung sống và không đăng ký kết hôn. Ông và bà T chung sống với nhau hay cãi nhau nhưng mâu thuẫn không lớn.Ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Về con chung: ông không đồng ý giao con chung tên Cao Văn Sanh L sinh ngày 27/3/2008 cho bà T nuôi.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T . Quá trình chung sống ông bà không đăng ký kết hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình và Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ của bà Đoàn Thị Thanh T và ông Cao Văn Sanh T không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình .

[2] Đối với yêu cầu của bà T, Tòa xét thấy:

Theo lời trình bày của bà T thì bà và ông T phát sinh mâu thuẫn từ tháng 4/2017 và ly thân với nhau từ tháng 11/2018 đến nay, nguyên nhân là thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cách sống và cách nghĩ khác nhau. Hiện nay bà T không còn tình cảm với ông T. Quá trình chung sống từ năm 2007cho đến nay nhưng ông bà không đăng ký kết hôn. Ông T thống nhất ông và bà T sống chung nhưng không đăng ký kết hôn. Xét thấy bà T và ông T sống chung nhưng không đăng ký theo quy định của pháp luật, nay bà T khởi kiện nên Tòa án không công nhận bà T và ông T là vợ chồng. Bà T yêu cầu được nuôi con chung là cháu Cao Văn Sanh L, sinh ngày 27/3/2008, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Nên cần giao cháu L cho bà T nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

[3]Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

[5] Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, nguyên đơn từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do là không chấp hành pháp luật.

Về nội dung vụ án: bà T và ông T chung sống chung sống từ năm 2007 cho đến nay nhưng ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nay bà T khởi kiện nên đề nghị Tòa án không công nhận bà T và ông T là vợ chồng. Bà T yêu cầu được nuôi con chung là cháu CaoVăn Sanh L, sinh ngày 27/3/2008, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con đề nghị giao cháu L cho bà T nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 57, Điều 58, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự,

- Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Thanh T.

1. Không công nhận bà Đoàn Thị Thanh T và ông Cao Văn Sanh T là vợ chồng.

2.Về con chung: giao cháu Cao Văn Sanh L sinh ngày 27/3/2008 cho bà Đoàn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Cao Văn Sanh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Cao Văn Sanh T có quyền được thăm nom chăm soc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3.Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí:

Bà Đoàn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai 0014248 ngày 21/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M,tỉnh Tiền Giang xem như thi hành xong.

6.Bà Đoàn Thị Thanh T quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Cao Văn Sanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T Giang xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.*
- *VKS nhân dân Thành phố M.*
- *Chi cục Thi hành án dân sự TP M.*
- Ủy ban nhân dân Phường 8.
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ, án văn.*

Nguyễn Huỳnh Trường